

Số: 353 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia
Giảm nghèo bền vững năm 2014.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 1201/QĐ-TTg, ngày 31/08/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề giai đoạn 2012-2015; Quyết định số 1489/QĐ-TTg, ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015;

Căn cứ Công văn số 119/HĐND-KTNS, ngày 25/3/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc nhất trí phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG Việc làm và Dạy nghề; Dự án 3 “Nhân rộng mô hình giảm nghèo”, Dự án 4 “Hỗ trợ nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá chương trình” thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững năm 2014;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 45/TTr-SKHĐT, ngày 12/3/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ 37.359,1 triệu đồng (*Ba mươi bảy tỷ, ba trăm năm mươi chín triệu, một trăm nghìn đồng*) chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG Việc làm và Dạy nghề; Dự án 3 “Nhân rộng mô hình giảm nghèo”, Dự án 4 “Hỗ trợ nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá chương trình” thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững năm 2014.

(Chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Kho bạc Nhà nước tỉnh; các chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như điều 2;
- TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, TH₍₂₎.

Bản điện tử:

- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP;
- + KTN, KT, VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**





Nguyễn Văn Linh



**BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2014**

(Kèm theo Quyết định số 353 /QĐ-UBND, ngày 27 /3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)				Chủ đầu tư	
		Tổng số	Vốn ĐTPT (NSTW)	Trong đó:			
				Tổng số	Vốn sự nghiệp		
					NSTW		NSDP
	Tổng số:	37.359,1	2.000	35.359,1	34.359,1	1.000	
I	Dự án 1: Đổi mới và phát triển dạy nghề	17.970		17.970	17.970		
1	Nhà lớp học Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải	3.300		3.300	3.300	Trường trung cấp nghề Giao thông vận tải	
2	Nhà học phụ số 2 Trường Trung cấp nghề thủ công mỹ nghệ 19/5	2.000		2.000	2.000	Trường Trung cấp nghề thủ công mỹ nghệ 19/5	
3	Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị dạy nghề Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn	10.570		10.570	10.570	Trường cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn	
4	Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị dạy nghề Trường trung cấp nghề miền núi Yên Thế	2.100		2.100	2.100	Trường trung cấp nghề miền núi Yên Thế	
II	Dự án 2: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	14.919,1		14.919,1	13.919,1	1.000	
1	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cơ sở dạy nghề	1.000		1.000		1.000	
-	Nhà xưởng, nhà lớp học Trung tâm dạy nghề Bắc Giang	1.000		1.000		1.000	Trung tâm dạy nghề Bắc Giang
2	Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề	13.484,1		13.484,1	13.484,1	Sở LĐTB&XH, Sở NN&PTNT, TT, Trung tâm HTĐT&CU'NL, UBND các huyện, TP	
3	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã	435		435	435	Sở Nội vụ	
III	Dự án 4: Hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	1.740		1.740	1.740		
1	Hỗ trợ người lao động tiền học phí, chi phí ăn ở, đi lại	1.560		1.560	1.560	Sở Lao động TB&XH	
2	Hỗ trợ chi phí làm thủ tục xuất cảnh	180		180	180	Sở Lao động TB&XH	
IV	Dự án 5: Hỗ trợ phát triển thị trường lao động	2.530	2.000	530	530	Sở Lao động TB&XH	

STT	 Chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)					Chủ đầu tư
		Tổng số	Vốn ĐTPT (NSTW)	Trong đó:			
				Tổng số	Vốn sự nghiệp		
					NSTW	NSDP	
1	Đầu tư xây dựng công trình? Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Bắc Giang	2.000	2.000				Sở Lao động TB&XH
2	Hỗ trợ thu thập cơ sở dữ liệu phân cung lao động	380		380	380		Sở Lao động TB&XH
3	Hỗ trợ thu thập cơ sở dữ liệu phân cầu lao động	100		100	100		Sở Lao động TB&XH
4	Hỗ trợ tổ chức sàn giao dịch việc làm	50		50	50		Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Bắc Giang
V	Dự án 6: Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình	200		200	200		
1	Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình về Việc làm	100		100	100		
-	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cán bộ về kỹ năng nghiệp vụ về lĩnh vực việc làm	60		60	60		Sở Lao động TB&XH
-	Chi hỗ trợ hoạt động, truyền thông, giám sát, đánh giá về lĩnh vực việc làm	40		40	40		Sở Lao động TB&XH
2	Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình về Dạy nghề	100		100	100		
2.1	Chi hoạt động truyền thông, giám sát, đánh giá chương trình dạy nghề	40		40	40		Sở Lao động TB&XH
2.2	Chi kiểm tra, giám sát chương trình dạy nghề	20		20	20		Sở Nông nghiệp & PTNT
2.3	Chi kiểm tra, giám sát chương trình dạy nghề	40		40	40		
-	Huyện Sơn Động	2		2	2		UBND huyện Sơn Động
-	Huyện Lục Ngạn	4		4	4		UBND huyện Lục Ngạn
-	Huyện Lục Nam	4		4	4		UBND huyện Lục Nam
-	Huyện Lạng Giang	7		7	7		UBND huyện Lạng Giang
-	Huyện Yên Dũng	7		7	7		UBND huyện Yên Dũng
-	Huyện Việt Yên	4		4	4		UBND huyện Việt Yên
-	Huyện Tân Yên	4		4	4		UBND huyện Tân Yên
-	Huyện Yên Thế	2		2	2		UBND huyện Yên Thế
-	Huyện Hiệp Hòa	4		4	4		UBND huyện Hiệp Hòa
-	Thành phố Bắc Giang	2		2	2		UBND thành phố Bắc Giang



BIỂU KẾ HOẠCH
CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2014
(Kèm theo Quyết định số 353 /QĐ-UBND, ngày 27/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Dự án	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2014 (triệu đồng)	Chủ đầu tư
	Tổng số	866	
I	Dự án 3: Nhân rộng mô hình giảm nghèo (*)	500	
1	Xây dựng 01 mô hình giảm nghèo (mô hình nuôi Bò sinh sản).	250	UBND huyện Lục Ngạn
2	Xây dựng 01 mô hình giảm nghèo (mô hình chăn nuôi kết hợp với trồng trọt quy mô gia trại).	250	UBND huyện Sơn Động
II	Dự án 4: Hỗ trợ nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá chương trình	366	
1	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, tham quan trao đổi kinh nghiệm về công tác giảm nghèo cho cán bộ các cấp	243	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
2	Tuyên truyền về chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng, Nhà nước (Trong đó: Tuyên truyền trên Báo Bắc Giang 15 triệu đồng; trên Đài PTTH Bắc Giang 15 triệu đồng; Bản tin thông tin nội bộ của Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ 15 triệu đồng; Trang Website của Sở Lao động TB và XH 8 triệu đồng)	53	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
3	Hoạt động quản lý; tham vấn; kiểm tra giám sát, đánh giá tình hình thực hiện chính sách giảm nghèo, rà soát xác định hộ nghèo, cận nghèo; khen thưởng về công tác giảm nghèo	70	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Ghi chú: (*) Giao UBND các huyện Lục Ngạn, Sơn Động xây dựng Dự án thực hiện mô hình gửi Sở Lao động, TB&XH thẩm định và phê duyệt.

BIỂU KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MTQG VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2014**Dự án 2: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

(Kèm theo Quyết định số 353 /QĐ-UBND, ngày 27 /3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

GIÁO CHO: SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

STT	Cơ sở dạy nghề/Danh mục	Thời gian đào tạo (tháng)	Chỉ tiêu (người)	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)
	Tổng số		220	965,6
1	Dạy nghề cho người khuyết tật		220	865,6
2	Nghề may công nghiệp		100	556
-	Hỗ trợ kinh phí dạy nghề	4	100	400
-	Hỗ trợ tiền ăn	4	100	156
3	Nghề mây tre đan, chổi đót		120	309,6
-	Hỗ trợ kinh phí dạy nghề	2	120	216
-	Hỗ trợ tiền ăn	2	120	93,6
4	Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề			100

BIỂU KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MTQG VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2014

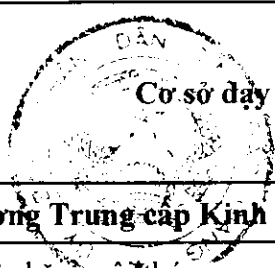
Dự án 2: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

(Kèm theo Quyết định số 353/QĐ-UBND, ngày 27/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

GIAO CHO: NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

STT	Cơ sở dạy nghề/Danh mục	Thời gian đào tạo (tháng)	Chỉ tiêu (người)	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)
	Tổng số		3.140	3.265,4
1	Trung tâm Dạy nghề và Dịch vụ hỗ trợ nông dân		180	187,2
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	120	124,8
-	Nghề trồng trọt	2	60	62,4
2	Công ty TNHH MTV Mai Hòa		120	124,8
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	120	124,8
3	Công ty TNHH TM&DV tổng hợp Cường Dũng		60	62,4
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	30	31,2
-	Nghề trồng trọt	2	30	31,2
4	Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Bắc Giang		150	156,0
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	90	93,6
-	Nghề nuôi trồng thủy sản	2	60	62,4
5	Công ty TNHH một thành viên Chung Nga		60	62,4
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	60	62,4
6	Trung tâm dạy nghề Mạnh Hùng		120	124,8
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	90	93,6
-	Nghề trồng trọt	2	30	31,2
7	Trung tâm dạy nghề Tuấn Hùng		120	124,8
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	60	62,4
-	Nghề trồng trọt	2	60	62,4
8	Trung tâm Giáo dục TX - Dạy nghề huyện Lục Nam		120	124,8
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	60	62,4
-	Nghề trồng trọt	2	60	62,4
9	Trung tâm Dạy nghề và Giới thiệu việc làm 8/3		60	62,4

STT	Cơ sở dạy nghề/Danh mục	Thời gian đào tạo (tháng)	Chỉ tiêu (người)	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	30	31,2
-	Nghề trồng trọt	2	30	31,2
10	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Lan		60	62,4
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	60	62,4
11	Trung tâm dạy nghề huyện Tân Yên		210	218,4
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	90	93,6
-	Nghề trồng trọt	2	90	93,6
-	Nghề nuôi trồng thủy sản	2	30	31,2
12	Trung tâm dạy nghề huyện Hiệp Hòa		60	62,4
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	30	31,2
-	Nghề nuôi trồng thủy sản	2	30	31,2
13	Trung tâm dạy nghề Phương Nam		300	312,0
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	300	312,0
14	Trung tâm Giáo dục TX - Dạy nghề huyện Lạng Giang		120	124,8
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	60	62,4
-	Nghề trồng trọt	2	60	62,4
15	Trung tâm dạy nghề tư thục Quang Vinh		210	218,4
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	120	124,8
-	Nghề trồng trọt	2	90	93,6
16	Trung tâm Giáo dục TX - Dạy nghề huyện Yên Thế		60	62,4
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	60	62,4
17	Công ty TNHH một thành viên Thiên Phúc		180	187,2
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	120	124,8
-	Nghề trồng trọt	2	60	62,4
18	Trung tâm dạy nghề Thiết Thiện		120	124,8
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	60	62,4
-	Nghề trồng trọt	2	60	62,4
19	Trung tâm Giáo dục TX - Dạy nghề huyện Lục Ngạn		60	62,4
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	60	62,4

STT	 Cơ sở dạy nghề/Danh mục	Thời gian đào tạo (tháng)	Chỉ tiêu (người)	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)
20	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Giang		260	270,4
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	140	145,6
-	Nghề trồng trọt	2	120	124,8
21	Trung tâm giống nầm Bắc Giang		150	156,0
-	Nghề trồng nầm	2	150	156,0
22	Trung tâm Giáo dục TX - Dạy nghề huyện Việt Yên		150	156,0
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	90	93,6
-	Nghề trồng trọt	2	30	31,2
-	Nghề nuôi trồng thủy sản	2	30	31,2
23	Công ty TNHH một thành viên tư vấn đầu tư phát triển nông - lâm nghiệp Hồng Liên		210	218,4
-	Nghề chăn nuôi thú y	2	120	124,8
-	Nghề trồng trọt	2	90	93,6

BIỂU KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MTQG VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2014

Dự án 2: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

(Kèm theo Quyết định số 353 /QĐ-UBND, ngày 27 /3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

GIAO CHO: TRUNG TÂM HỖ TRỢ ĐÀO TẠO VÀ CUNG ỨNG NHÂN LỰC

STT	Cơ sở dạy nghề/Danh mục	Thời gian đào tạo (tháng)	Chỉ tiêu (người)	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)
	Tổng số:		800	1.040
1	Hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo nghề (Nghề may công nghiệp)	2	800	1.040

BIỂU KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MTQG VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2014**Dự án 2: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

(Kèm theo Quyết định số 353 /QĐ-UBND, ngày 27 /3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

GIÁO CHO: UBND THÀNH PHỐ BẮC GIANG

STT	Cơ sở dạy nghề/Danh mục	Thời gian đào tạo (tháng)	Chỉ tiêu (người)	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)
	Tổng số		120	195
1	Trung tâm dạy nghề Mạnh Hùng		60	117
-	Nghề sửa chữa xe máy	3	30	58,5
-	Nghề điện dân dụng	3	30	58,5
2	Công ty TNHH một thành viên Thiên Phúc		30	39
-	Nghề may công nghiệp	2	30	39
3	Trung tâm dạy nghề Trương Hiệp		30	39
-	Nghề may công nghiệp	2	30	39

BIỂU KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MTQG VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2014

Dự án 2: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

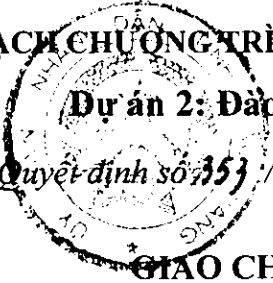
(Kèm theo Quyết định số 153/QĐ-UBND, ngày 27/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

GIAO CHO: UBND HUYỆN YÊN DŨNG

STT	Cơ sở dạy nghề/Danh mục	Thời gian đào tạo (tháng)	Chỉ tiêu (người)	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)
	Tổng số		1.140	1.529
1	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Cường Dũng		180	273
-	Nghề may công nghiệp	2	120	156
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	60	117
2	Công ty TNHH một thành viên Chung Nga		240	312
-	Nghề may công nghiệp	2	240	312
3	Trung tâm Giáo dục TX - Dạy nghề huyện Yên Dũng		60	78
-	Nghề may công nghiệp	2	60	78
4	Trung tâm dạy nghề Bắc Giang		90	136,5
-	Nghề may công nghiệp	2	60	78
-	Nghề điện dân dụng	3	30	58,5
5	Công ty TNHH một thành viên Mai Hòa		120	156
-	Nghề may công nghiệp	2	120	156
6	Trung tâm dạy nghề tư thục Quang Vinh		360	456,3
-	Nghề làm lông my giả	2	270	280,8
-	Nghề điện dân dụng	3	90	175,5
7	Trung tâm dạy nghề Tuấn Hùng		90	117
-	Nghề may công nghiệp	2	90	117

KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MTQG VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2014**Đợt 2: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

(Kèm theo Quyết định số 353/QĐ-UBND, ngày 27/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

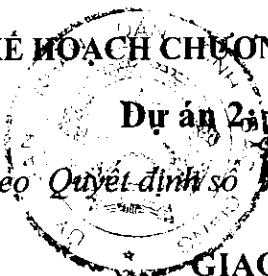
**GIẢI CHO: UBND HUYỆN LỤC NGẠN**

STT	Cơ sở dạy nghề/Danh mục	Thời gian đào tạo (tháng)	Chỉ tiêu (người)	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)
	Tổng số		420	643,5
1	Trung tâm Giáo dục TX-Dạy nghề huyện Lục Ngạn		150	234
-	Nghề may công nghiệp	2	90	117
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	30	58,5
-	Nghề điện dân dụng	3	30	58,5
2	Công ty TNHH Thùy Anh		180	292,5
-	Nghề may công nghiệp	2	90	117
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	90	175,5
3	Trường Trung cấp nghề Asean		90	117
-	Nghề chế biến món ăn	2	90	117

BIỂU KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MTQG VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2014

Dự án 2: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

(Kèm theo Quyết định số 153 /QĐ-UBND, ngày 27 /3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)



GIAO CHO: UBND HUYỆN VIỆT YÊN

STT	Cơ sở dạy nghề/Danh mục	Thời gian đào tạo (tháng)	Chỉ tiêu (người)	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)
	Tổng số		515	770,3
1	Trung tâm dạy nghề điện cơ Việt Đức		60	78
-	Nghề may công nghiệp	2	60	78
2	Trung tâm dạy nghề Bắc Giang		120	195
-	Nghề may công nghiệp	2	60	78
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	60	117
3	Trung tâm dạy nghề thuộc Công ty Cổ phần may xuất khẩu Hà Bắc		120	156
-	Nghề may công nghiệp	2	120	156
4	Trung tâm dạy nghề Phương Nam		95	146,3
-	Nghề may công nghiệp	2	60	78
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	35	68,3
5	Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải		60	117
-	Nghề điện nước nông thôn	3	60	117
6	Công ty TNHH Thiết Thiện		60	78
-	Nghề may công nghiệp	2	60	78

BIỂU KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MTQG VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2014

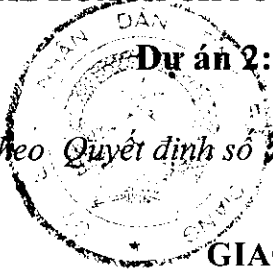
Dự án 2: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

(Kèm theo Quyết định số 353 /QĐ-UBND, ngày 27 /3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

GIAO CHO: UBND HUYỆN LẠNG GIANG

STT	Cơ sở dạy nghề/Danh mục	Thời gian đào tạo (tháng)	Chỉ tiêu (người)	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)
	Tổng số		1170	1.579,5
1	Trung tâm Dạy nghề và Dịch vụ hỗ trợ nông dân		90	136,5
-	Nghề may công nghiệp	2	60	78,0
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	30	58,5
2	Trường Trung cấp nghề số 12		120	156,0
-	Nghề may công nghiệp	2	120	156,0
3	Công ty TNHH TM&DV tổng hợp Cường Dũng		90	117,0
-	Nghề may công nghiệp	2	90	117,0
4	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Lan		150	195,0
-	Nghề may công nghiệp	2	150	195,0
5	Công ty Cổ phần may Bắc giang		150	195,0
-	Nghề may công nghiệp	2	150	195,0
6	Trung tâm Dạy nghề và Giới thiệu việc làm Thanh Niên		30	39,0
-	Nghề may công nghiệp	2	30	39,0
7	Trung tâm dạy nghề Bắc Giang		60	78,0
-	Nghề may công nghiệp	2	60	78,0
8	Trung tâm Giáo dục TX- Dạy nghề huyện Lạng Giang		120	195,0
-	Nghề may công nghiệp	2	60	78,0
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	30	58,5
-	Nghề điện dân dụng	3	30	58,5
9	Công ty TNHH một thành viên Chung Nga		120	156,0
-	Nghề may công nghiệp	2	120	156,0
10	Trung tâm dạy nghề 1-5		240	312,0
-	Nghề may công nghiệp	2	240	312,0

BIỂU KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MTQG VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2014



Dự án 2: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

(Kèm theo Quyết định số **353** /QĐ-UBND, ngày **27** /3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

GIAO CHO: UBND HUYỆN LỤC NAM

STT	Cơ sở dạy nghề/Danh mục	Thời gian đào tạo (tháng)	Chỉ tiêu (người)	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)
	Tổng số		510	819
1	Trung tâm GDTX-DN huyện Lục Nam		60	97,5
-	Nghề may công nghiệp	2	30	39
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	30	58,5
2	Trung tâm dạy nghề Mạnh Hùng		120	234
-	Nghề sửa chữa xe máy	3	30	58,5
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	90	175,5
3	Công ty TNHH TM&DV tổng hợp Cường Dũng		120	195
-	Nghề may công nghiệp	2	60	78
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	60	117
4	Trung tâm dạy nghề Công đoàn		90	136,5
-	May công nghiệp	2	60	78
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	30	58,5
5	Trung tâm Giới thiệu việc làm Bắc Giang		120	156
-	Nghề may công nghiệp	2	120	156

BIỂU KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MTQG VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2014**Dự án 2: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

(Kèm theo Quyết định số 53 /QĐ-UBND, ngày 27 /3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

GIAO CHO: UBND HUYỆN TÂN YÊN

STT	Cơ sở dạy nghề/Danh mục	Thời gian đào tạo (tháng)	Chỉ tiêu (người)	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)
	Tổng số		540	799,5
1	Trung tâm dạy nghề huyện Tân Yên		150	234
-	Nghề may công nghiệp	2	90	117
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	60	117
2	Trung tâm dạy nghề 2/9		150	195
-	Nghề may công nghiệp	2	150	195
3	Trung tâm dạy nghề Bình Minh		60	78
-	Nghề may công nghiệp	2	60	78
4	Trung tâm Dạy nghề và GTVL Thanh Niên		60	78
-	Nghề may công nghiệp	2	60	78
5	Trung tâm Dạy nghề và Dịch vụ hỗ trợ nông dân		60	97,5
-	Nghề may công nghiệp	2	30	39
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	30	58,5
6	Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải		60	117
-	Nghề điện nước nông thôn	3	60	117

BIỂU KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MTQG VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2014

Dự án 2: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

(Kèm theo Quyết định số 353 /QĐ-UBND, ngày 27 /3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

GIAO CHO: UBND HUYỆN SƠN ĐỘNG

STT	Cơ sở dạy nghề/Danh mục	Thời gian đào tạo (tháng)	Chỉ tiêu (người)	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)
	Tổng số		180	331,5
1	Trung tâm dạy nghề Mạnh Hùng		90	175,5
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	90	175,5
2	Trung tâm Giáo dục TX-Dạy nghề huyện Sơn Động		90	156
-	Nghề may công nghiệp	2	30	39
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	60	117

BIỂU KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MTQG VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2014

Dự án 2: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

(Kèm theo Quyết định số 353 /QĐ-UBND, ngày 17/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

GIAO CHO: UBND HUYỆN HIỆP HÒA

STT	Cơ sở dạy nghề/Danh mục	Thời gian đào tạo (tháng)	Chỉ tiêu (người)	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)
	Tổng số		695	1.062,8
1	Trung tâm dạy nghề huyện Hiệp Hòa		210	351
-	Nghề điện dân dụng	3	60	117
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	60	117
-	Nghề may công nghiệp	2	90	117
2	Trung tâm dạy nghề Phương Nam		125	204,8
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	65	126,8
-	Nghề may công nghiệp	2	60	78
3	Cơ sở dạy nghề Anh Sơn thuộc Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Thời trang Anh Sơn		210	273
-	Nghề may công nghiệp	2	210	273
4	Trung tâm dạy nghề Công đoàn		150	234
-	Nghề may công nghiệp	2	90	117
-	Nghề cơ khí (hàn, sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp)	3	60	117

BIỂU KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MTQG VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2014

Dự án 2: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

(Kèm theo Quyết định số ~~353~~ /QĐ-UBND, ngày ~~27~~ /3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

GIAO CHO: UBND HUYỆN YÊN THẾ

STT	Cơ sở dạy nghề/Danh mục	Thời gian đào tạo (tháng)	Chỉ tiêu (người)	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)
	Tổng số		150	195
1	Trường Trung cấp nghề miền núi Yên Thế		150	195
-	Nghề may công nghiệp	2	150	195

BIỂU KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MTQG VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2014

Dự án 2: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

(Hỗ trợ thanh toán tiền ăn, đi lại cho lao động nông thôn năm 2013)

(Kèm theo Quyết định số 353/QĐ-UBND, ngày 27/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2014 (triệu đồng)
	Tổng số	288
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	43,5
2	UBND huyện Lạng Giang	29,9
3	UBND huyện Yên Thế	32,1
4	UBND huyện Lục Ngạn	40
5	UBND huyện Yên Dũng	142,5

